

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 226/TTr-SNN&PTNT ngày 11 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tiền Giang với diện tích 20.787 ha (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về kết quả rà soát, đánh giá và đề xuất vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì phối hợp các địa phương triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.
- Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

a) Triển khai, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao đến tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Báo cáo kết quả thực hiện vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, PKT (Tú.NN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

PHỤ LỤC
PHÊ DUYỆT VÙNG QUY HOẠCH TRỒNG LÚA NĂNG SUẤT,
CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

(ban hành kèm theo Quyết định số **660** /QĐ-UBND, ngày **21** tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

TT	Địa phương	Tổng diện tích đất lúa hiện có (ha)	Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (ha)	Ghi chú
I	HUYỆN CÁI BÈ	4.565	580	
1	Xã Hậu Mỹ Trinh	515	200	
-	Ấp Mỹ Tường B	515	200	
2	Xã Hậu Mỹ Bắc A	1.187	380	
-	Ấp Hậu Phú 1	397	120	
-	Ấp Hậu Phú 2	201	60	
-	Ấp Mỹ Chánh 4	288	120	
-	Ấp Mỹ Chánh 5	301	80	
4	Các khu vực khác	2.863	0	
II	HUYỆN CAI LẬY	5.755	4.557	
1	Xã Mỹ Thành Nam	768	600	
-	Ấp 5	207	150	
-	Ấp 6	93	70	
-	Ấp 7	178	150	
-	Ấp 8	66	50	
-	Ấp 9A	62	40	
-	Ấp 9B	162	140	
2	Xã Mỹ Thành Bắc	749	500	
-	Ấp 1	28	0	
-	Ấp 2	104	60	
-	Ấp 3	71	40	
-	Ấp 4	255	180	
-	Ấp 5	291	220	
3	Xã Thạnh Lộc	1.533	1.400	
-	Ấp 1	191	180	
-	Ấp 2	252	220	
-	Ấp 3	283	250	
-	Ấp 4	380	350	

TT	Địa phương	Tổng diện tích đất lúa hiện có (ha)	Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (ha)	Ghi chú
-	Ấp 5	205	200	
-	Ấp 6	222	200	
4	Xã Phú Cường	1.918	1.907	
-	Ấp 1	147	146	
-	Ấp 2	193	192	
-	Ấp 3	365	365	
-	Ấp 4	239	239	
-	Ấp 5A	149	148	
-	Ấp 5B	469	462	
-	Ấp 6	356	355	
5	Xã Phú Nhuận	268	150	
-	Ấp Phú Bình	63	38	
-	Ấp Chà Là	75	38	
-	Ấp Phú Thuận	55	38	
-	Ấp Phú Lợi	75	38	
6	Các khu vực khác	520	0	
III	THỊ XÃ CAI LẬY	2.984	2.317	
1	Xã Tân Bình	309	200	
-	Ấp 6, 7	181	155	
-	Ấp 7	128	45	
2	Xã Tân Phú	324	200	
-	Khu 2 (Tân Hiệp, Tân An, Tân Thới)	113	100	
-	Khu 3 (Tân Thới)	100	100	
3	Xã Mỹ Hạnh Trung	366	209	
-	Ấp Mỹ Hòa	112	41	
-	Ấp Mỹ Lợi	54	34	
-	Ấp Mỹ Thạnh	99	49	
-	Ấp Mỹ Đa	102	86	
4	Xã Mỹ Hạnh Đông	795	758	
-	Ấp Mỹ Phú	272	116	
-			145	
-	Ấp Mỹ Lương	208	57	

TT	Địa phương	Tổng diện tích đất lúa hiện có (ha)	Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (ha)	Ghi chú
			83	
			65	
-	Ấp Mỹ Bình	71	32	
			29	
-	Ấp Mỹ Hội	244	109	
			73	
			49	
5	Mỹ Phước Tây	1.069	950	
-	Ấp Bà Bèo	27	27	
		55	55	
-	Ấp Láng Biền	83	83	
		27	27	
-	Ấp Láng Biền - Bà Bèo	35	35	
-	Ấp Láng Biền - Long Phước	62	62	
-	Ấp Long Phước	139	139	
		9	0	
-	Ấp Kinh 12 - Long Phước - Rạch Trắc	141	141	
		50	50	
-	Ấp Rạch Trắc	38	38	
		50	50	
-	Ấp Kinh 12	52	52	
-	Ấp Cầu Dừa	120	120	
-	Ấp Láng Biền	25	25	
-	Ấp Long Phước	47	47	
6	Các khu vực khác	120	0	
IV	CHÂU THÀNH	2.240	295	
1	Xã Diêm Hy	500	295	
-	Ấp Bắc A	295	295	
-	Ấp Thới	3	0	
-	Ấp Bắc B	182	0	
-	Ấp Hưng	20	0	
2	Các khu vực khác	1.740	0	

TT	Địa phương	Tổng diện tích đất lúa hiện có (ha)	Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (ha)	Ghi chú
V	CHỢ GẠO	122	0	
VI	HUYỆN TÂN PHƯỚC	6.035	5.575	
1	Xã Tân Hòa Tây	2.346	2.320	
-	Ấp Tân Hưng Phước	880	857	
-	Ấp Tân Hưng Tây	754	754	
-	Ấp Tân Hưng Đông	478	475	
-	Ấp Tân Hưng Phú	234	234	
2	Xã Thạnh Hòa	750	683	
-	Ấp Hòa Xuân	270	260	
-	Ấp Hòa Đông	163	163	
-	Ấp Hòa Thuận	317	260	
3	Xã Phước Lập	1.627	1.627	
-	Ấp Mỹ Hòa	140	140	
-	Ấp Mỹ Phú	220	220	
-	Ấp Kinh 2 A	200	200	
-	Ấp Mỹ Thành	119	119	
-	Ấp Mỹ Bình	250	250	
-	Ấp Kinh 2 B	175	175	
-	Ấp Mỹ Lợi	523	523	
4	Xã Phú Mỹ	526	483	
-	Ấp Phú Xuân	313	313	
-	Ấp Phú Nhuận	170	170	
5	Xã Tân Hòa Thành	620	462	
-	Ấp Một	152	152	
-	Ấp Hai	65	65	
-	Ấp Ba	118	35	
-	Ấp Tư	112	80	
-	Tân Quới	30	30	
-	Tân Phú	113	70	
-	Tân Vinh	30	30	
6	Các khu vực khác	239	0	
VII	GÒ CÔNG TÂY	7.805	4.528	

TT	Địa phương	Tổng diện tích đất lúa hiện có (ha)	Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (ha)	Ghi chú
1	Bình Nhì	550	350	
-	Ấp Bình Hòa Long	190	132	
-	Ấp Bình Hòa Đông	188	120	
-	Ấp Bình Đông Trung	172	98	
2	Thạnh Nhựt	251	60	
-	Ấp Bình Tây	165	20	
-	Ấp Tân Thạnh	47	20	
-	Ấp Thạnh Lạc Đông	39	20	
3	Đồng Sơn	195	195	
-	Ấp Bình Trinh	105	105	
-	Ấp Thạnh Thới	65	65	
-	Ấp Thọ Khương	25	25	
4	Đồng Thạnh	850	120	
-	Ấp Lợi An	135	20	
-	Ấp Hòa Bình	190	20	
-	Ấp Thạnh Hưng	114	20	
-	Ấp Thạnh Phú	160	20	
-	Ấp Thạnh Lạc	126	20	
-	Ấp Hòa Bình	126	20	
5	Bình Phú	780	708	
-	Ấp Bình Khánh	202	188	
-	Ấp Bình Ninh	196	170	
-	Ấp Bình Phú	192	175	
-	Ấp Thọ Khương	190	175	
6	Thành Công	480	120	
-	Ấp Bình Lạc	130	40	
-	Ấp Bình Hưng	185	40	
-	Ấp Bình Nhựt	165	40	
7	Thạnh Trị	865	480	
-	Ấp Thạnh An	87	50	
-	Ấp Thạnh Hưng	96	60	
-	Ấp Thạnh Yên	119	40	
-	Ấp Thạnh Phú	105	90	

TT	Địa phương	Tổng diện tích đất lúa hiện có (ha)	Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (ha)	Ghi chú
-	Ấp Thạnh Bình	139	50	
-	Ấp Thạnh Hiệp	74	30	
-	Ấp Thạnh Hòa Tây	103	80	
-	Ấp Thạnh Hòa Đông	143	80	
8	Vĩnh Hựu	320	250	
-	Ấp Bình An	64	50	
-	Ấp An Ninh	80	70	
-	Ấp Phú Quý	46	0	
-	Ấp Hòa Bình	70	70	
-	Ấp Thạnh Thới	60	60	
9	Long Vĩnh	600	600	
-	Ấp Hưng Hòa	165	165	
-	Ấp Thới An A	114	114	
-	Ấp Thới An B	110	110	
-	Ấp Vĩnh Quới	108	108	
-	Ấp Phú Quới	103	103	
10	Long Bình	1.020	1.020	
-	Ấp Long Thới	146	146	
-	Ấp Thới Hòa	87	87	
-	Ấp Ninh Quới	196	196	
-	Ấp Phú Trung	95	95	
-	Ấp Khương Ninh	15	15	
-	Ấp Hòa Phú	137	137	
-	Ấp Quới An	187	187	
-	Ấp Long Hải	157	157	
11	Bình Tân	910	340	
-	Ấp Hòa Thạnh	121	70	
-	Ấp Xóm Thủ	172	50	
-	Ấp Lợi An	243	70	
-	Ấp Thuận Trị	130	50	
-	Ấp Thạnh Lợi	245	100	
12	Yên Luông	600	285	
-	Ấp Phú Quới	234	140	

TT	Địa phương	Tổng diện tích đất lúa hiện có (ha)	Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (ha)	Ghi chú
-	Ấp Long Bình	167	95	
-	Ấp Thạnh Phong	111	50	
-	Ấp Bình Cách	89	0	
13	Các khu vực khác	384	0	
VIII	HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG	8.759	2.336	
1	Tân Phước	932	650	
-	Ấp 2	155	100	
-	Ấp 3	192	130	
-	Ấp 4	114	90	
-	Ấp 5	98	70	
-	Ấp 6	185	130	
-	Ấp 7	66	50	
-	Ấp 8	63	40	
-	Ấp 9	58	40	
2	Phước Trung	446	180	
-	Ấp Tân Xuân	119	110	
-	Ấp Hiệp Trị	123	40	
-	Ấp Dương Hòa	205	30	
3	Kiêng Phước	593	291	
-	Ấp Đôi Ma	270	151	
-	Ấp Xóm Rẫy	188	60	
-	Ấp Xóm Mới	135	80	
4	Tân Đông	313	120	
-	Ấp Gò lức	78	20	
-	Ấp Chùa Đất đỏ	53	20	
-	Ấp Cầu Bà Trà	47	20	
-	Ấp Bà Lãnh	51	40	
-	Ấp Gò Táo	83	20	
5	Tăng Hòa	368	65	
-	Ấp Giồng Lành 2	179	40	
-	Ấp Trại Cá	189	25	
6	Bình Ân	690	380	
-	Ấp Gò Me	300	120	

TT	Địa phương	Tổng diện tích đất lúa hiện có (ha)	Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (ha)	Ghi chú
-	Ấp Kinh Trên	120	40	
-	Ấp Kinh Dưới	50	20	
-	Ấp Chợ Bến	90	80	
-	Ấp Xóm Đen	130	120	
7	Xã Tân Thành	928	650	
-	Ấp chợ	55	35	
-	Ấp Láng	205	140	
-	Ấp Kinh Giữa	220	160	
-	Ấp Kinh Ngang	135	95	
-	Ấp Vàm Kinh	102	70	
-	Ấp Bà Canh	70	50	
-	Ấp Tân Phú	44	40	
-	Ấp Cây bàng	97	60	
8	Các khu vực khác	4.488	0	
IX	THÀNH PHỐ GÒ CÔNG	3.969	599	
1	Khu vực 1 (xã Bình Xuân: ấp 1, Thành Nhứt, Thành Nhi)	268	246	
2	Khu vực 2 (xã Bình Xuân: ấp 1, 2,3)	166	94	
3	Khu vực 3 (xã Bình Xuân: ấp 5,7)	52	30	
4	Khu vực 4 (xã Bình Xuân: ấp 6 và xã Bình Đông: ấp Hòa Thân B)	94	51	
5	Khu vực 5 (xã Bình Xuân: ấp 7 và xã Bình Đông: ấp Cộng Lạc)	138	71	
6	Khu vực 6 (xã Tân Trung: ấp Mỹ Xuân)	186	107	
7	Các khu vực khác	3.066	0	
Tổng cộng		42.233	20.787	